

## TÓM TẮT LÝ LỊCH KHOA HỌC ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ

1. Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung
2. Năm sinh: 10/02/1976
3. Chức vụ và cơ quan công tác hiện nay:
  - Phó hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;
  - Phó Bí thư đảng uỷ trường Đại học Ngoại ngữ, Uỷ viên Ban thường vụ Đảng uỷ Đại học Huế
4. Năm được bổ nhiệm Giáo sư (hoặc Phó giáo sư): 2015  
*Ngành:* Ngôn ngữ học; *Chuyên ngành:* Ngôn ngữ học ứng dụng
5. Danh hiệu trong nước và quốc tế: Giảng viên cao cấp
6. Số công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí khoa học: 35  
*Trong đó:*
  - *ISI hoặc/và Scopus:* 03 (5 năm gần đây: 02)
  - *Tạp chí nước ngoài khác:* 8 (5 năm gần đây: 7)
7. Số sáng chế, giải pháp hữu ích:  
*Trong đó, quốc tế:* 0 (5 năm gần đây: 0)
8. Số sách chuyên khảo, tham khảo và giáo trình đã xuất bản: 10  
*Trong đó:*
  - 5 năm gần đây: 7;
  - Do Nhà xuất bản nước ngoài: 03;
  - Do Nhà xuất bản cấp Quốc gia và các Nhà xuất bản trong nước khác: 7
9. Tổng số trích dẫn (nếu có): Chi số *hindex* (nếu có):
10. Giải thưởng KH&CN quốc tế, quốc gia hoặc tương đương:  
Giải nhì Cuộc thi sáng tạo KHCN năm 2018 của Tỉnh Thừa Thiên Huế.
11. Bài báo khoa học tiêu biểu (*Liệt kê tối đa 10 bài báo tiêu biểu trong cả quá trình, kèm theo chỉ số trích dẫn của bài báo và chỉ số ảnh hưởng của tạp chí, nếu có*):
  - Phạm, T. H. N. (2018). General English Proficiency or English-for-Teaching- The preferences of in-service teachers. *RELC Journal*, 49(3) 339–352. **ISI/SCOPUS (Q1)**

- Pham, T. H. N. (2014). Linguistic and cultural constraints in Vietnamese General Practitioners' act of initiating clinical information-seeking process in first encounters with outpatients. *Theory and Practice in Language Studies*, 4 (6), 1125-1131. **SCOPUS**

- Pham, T. H.N. (2007). Vietnamese concept of face: evidence from its collocational abilities. *E-Journal of Foreign Language Teaching* 4(2), 257-266. **SCOPUS**

- Pham, T. H. N. (2016). Folktales as a valuable rich cultural and linguistic resource to teach a foreign language to young learners. *International Journal of Education, Culture and Society*, 1(1), 23-28.

- Pham, T. H. N. (2014). The use of intermediate channels as a strategy to minimize imposition in intercultural English-speaking contexts – Implications for English language teaching. *Journal for the Study of English Linguistics*, 2.

- Pham, T. H. N. (2014). The impact of third party presence on the motivational concerns underlying Vietnamese linguistic politeness behavior in English-speaking intercultural communication contexts. *Journal of the Study for English Linguistics*, 3.

- Pham, T. H. N. (2014). How do the Vietnamese lose face? Understanding the concept of face through self-reported face loss incidents. *International Journal of Language and Linguistics*, 2(3), 223-231.

- Pham, T. H. N. (2014). Strategies employed by the Vietnamese to respond to compliments and the influence of compliment receivers' perception of the compliment on their responses. *International Journal of Linguistics*, 6(2), 153-176.

- Phạm Thị Hồng Nhung (2014). Đánh giá tri năng ngữ dụng của người học tiếng Anh như một ngoại ngữ thông qua khả năng nhận biết và lý giải vi phạm ngữ dụng. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 4(271).

- Phạm Thị Hồng Nhung (2013). Xu hướng nghiêng về cái tôi trong trợ thể hiện trong ngôn ngữ của người Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 2(285), 11-20.

12. Sách chuyên khảo và giáo trình tiêu biểu (*Liệt kê tối đa 5 sách và/hoặc giáo trình tiêu biểu trong cả quá trình, kèm theo chỉ số trích dẫn, số lần tái bản, nếu có*):

*Sách chuyên khảo*

- Pham, T. H. N (2018). Book chapter: *Confucian values as challenges for communication in intercultural workplace contexts: Evidence from the motivational concerns in Vietnamese politeness behaviour*. In A. Curtis & R. Sussex (Eds.). *Intercultural communication in Asia:*

*Education, language and values. Springer. Language Education and Linguistics series.*

- Pham, T. H. N. (2017). Book chapter: *Developing classroom English competence: Learning from the Vietnam Experience* (Monograph/Sách chuyên khảo) (pp.72-83). Phnom Penh: IDP

**Education Publications.**

- Pham, T. H. N. (2017). Book chapter: Applying the CEFR to renew general English curriculum: Successes, remaining issues and lessons from Vietnam. In F. O'Dwyer et al. (Eds.) *Critical, constructive assessment of CEFR-informed language teaching in Japan and beyond.* (pp. 97-117). Cambridge: **Cambridge University Press.**

*Giáo trình:*

- Phạm Thị Hồng Nhung (2014). *Pragmatics: An introduction.* Hue: Hue University Press. (Giáo trình đại học)
- Phạm Thị Hồng Nhung (2014). *Pragmatics for language teachers: Developing pragmatic competence for EFL learners.* Hue: Hue University Press. (Giáo trình sau đại học)
- Phạm Thị Hồng Nhung (2011). *Communicating with Vietnamese in intercultural contexts: Insights into Vietnamese values.* Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam. (Giáo trình sau đại học)

13. Kết quả nghiên cứu khoa học tiêu biểu trong 5 năm gần đây (*Liệt kê tối đa 5 công trình khoa học tiêu biểu trong 5 năm gần đây (bài báo khoa học và/hoặc sách chuyên khảo; sáng chế, giải pháp hữu ích; giải thưởng...)*):

- Pham, T. H. N. (2018). General English Proficiency or English-for-Teaching- The preferences of in-service teachers. *RELC Journal*, 49(3) 339–352. **ISI/SCOPUS (Q1):**

Diễn ngôn lớp học là một lĩnh vực được nghiên cứu nhiều trong ngôn ngữ học. Tuy nhiên tác động của năng lực tiếng Anh cơ bản và năng lực tiếng Anh giảng dạy lên năng lực diễn ngôn lớp học của giáo viên ngoại ngữ là một lĩnh vực chưa được tìm hiểu nhiều. Công trình này nghiên cứu diễn ngôn lớp học của giáo viên tiếng Anh sau khi được bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cơ bản và năng lực tiếng Anh giảng dạy. Công trình này làm rõ hơn nội dung đó và chỉ ra các tác động đến năng lực diễn ngôn lớp học của giáo viên.

- Pham, T. H. N (2018). Book chapter: Confucian values as challenges for communication in intercultural workplace contexts: Evidence from the motivational concerns in Vietnamese politeness behaviour. In A. Curtis & R. Sussex (Eds.). *Intercultural communication in Asia: Education, language and values. Springer. Language Education and Linguistics series.*

Công trình này nghiên cứu tác động của các giá trị Nho giáo đến năng lực giao tiếp và chiến lược lịch sự của người Việt Nam khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong môi trường liên văn hoá. Hành vi ngôn ngữ và chiến lược lịch sự qua lý thuyết của Brown & Levinson (1978, 1987) đã trở thành một lý thuyết kinh điển, phổ quát, lý giải cho hành vi và chiến lược lịch sự của nhiều ngôn ngữ. Tuy nhiên nghiên cứu này đã góp phần lý giải chiến lược lịch sự ngôn ngữ của người Việt Nam từ góc độ văn hoá và làm rõ hơn những điểm mà mô hình của Brown & Levinson vốn không thể giải thích được. Vì thế nghiên cứu đã đóng góp thêm những minh chứng khoa học để có cách nhìn khách quan và toàn diện hơn về hành vi và chiến lược lịch sự ngôn ngữ ở những nền văn hoá khác với văn hoá Anglo-Saxon.

- Pham, T. H. N. (2014). Linguistic and cultural constraints in Vietnamese General Practitioners' act of initiating clinical information-seeking process in first encounters with outpatients. *Theory and Practice in Language Studies*, 4 (6), 1125-1131. **SCOPUS**.

Công trình này nghiên cứu hành động lời nói thăm khám và khai thác thông tin từ người bệnh ở phòng khám của bác sĩ đa khoa đối với bệnh nhân ngoại trú. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết về tiền giả định (pre-supposition) trong ngôn ngữ học để làm rõ hành vi ngôn ngữ khám bệnh của bác sĩ. Kết quả nghiên cứu cho thấy tiền giả định tồn tại (existential) và tiền giả định cấu trúc (structural existential) thể hiện trong ngôn ngữ của bác sĩ cho thấy nhiều bác sĩ đa khoa đã có sẵn giả định bệnh nhân đến khám vì (có cơn) đau (pain) trong cơ thể. Khi tiền giả định này thể hiện trong câu hỏi của bác sĩ, nó có thể có tác động tiêu cực, tác động đến bệnh nhân, làm bệnh nhân cung cấp những thông tin sai lệch, không thực sự khách quan, vì thế ảnh hưởng đến kết quả chẩn bệnh. Nghiên cứu đã đóng góp vào việc sử dụng lý thuyết ngôn ngữ tiền giả định để hiểu và cải thiện chất lượng giao tiếp y khoa.

- Pham, T. H. N. (2017). Book chapter: *Developing classroom English competence: Learning from the Vietnam Experience* (Monograph/Sách chuyên khảo) (pp.72-83). Phnom Penh: IDP **Education Publications**.

Nghiên cứu này nghiên cứu sâu diễn ngôn quản lý lớp học, diễn ngôn giảng dạy và diễn ngôn giao tiếp liên nhân (với học sinh) trong lớp học của giáo viên tiếng Anh tiểu học. Nghiên cứu còn chỉ ra năng lực ngôn ngữ có tác động như thế nào đến việc chọn mã (code): tiếng mẹ đẻ hay ngôn ngữ mục tiêu (tiếng Anh) của giáo viên để thực hiện các chức năng này. Nghiên cứu cung cấp minh chứng về độ phức tạp của cấu trúc và từ vựng được giáo viên sử dụng khi thực hiện các chức năng của diễn ngôn.

- Pham, T. H. N. (2017). Book chapter: Applying the CEFR to renew general English curriculum: Successes, remaining issues and lessons from Vietnam. In F. O'Dwyer et al. (Eds.) *Critical, constructive assessment of CEFR-informed language teaching in Japan and beyond*. (pp. 97-117). Cambridge: **Cambridge University Press**.

Công trình nghiên cứu này làm rõ các đặc tả năng lực ngôn ngữ, đặc biệt theo từng bậc năng lực của Khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ có giá trị như thế nào và có những hạn chế nào khi sử dụng trong thực tiễn để cải tiến chương trình giảng dạy năng lực ngôn ngữ cho người học. Tuy được phát triển dựa trên mô hình năng lực giao tiếp (communicative competence) cấp tiến trong đó có bao gồm cả năng lực diễn ngôn và giao tiếp liên văn hoá, các đặc tả năng lực ngôn ngữ của Khung tham chiếu châu Âu về ngôn ngữ cần được làm rõ hơn về cấu thành, độ phủ, mức độ tương thích và phù hợp với đặc trưng của từng ngôn ngữ trong ngữ cảnh mà nó được sử dụng, cụ thể trong nghiên cứu này là tiếng Anh.

14. Các hoạt động cộng đồng hiện nay (*Lãnh đạo các hiệp hội khoa học, kỹ thuật trong nước và quốc tế; Ban biên tập tạp chí khoa học,...*):

- Phó tổng ban biên tập Tạp chí *Ngôn ngữ và Văn hoá* trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

- Ban biên tập Tạp chí *Khoa học công nghệ (số Khoa học xã hội nhân văn)* trường Đại học Cần Thơ;

- Ban biên tập Tạp chí *Journal for the Study of English Linguistics*, Hoa Kỳ.

- Ban biên tập Tạp chí *The CEFR in Japan and beyond*, Degruyter Mouton (số đầu tiên tháng 6 năm 2019).

- Cộng tác viên (phản biện) các Tạp chí:

+ *Khoa học công nghệ Đại học Huế*

+ *Khoa học công nghệ Đại học Quảng Bình*

+ *Khoa học công nghệ Đại học Quy Nhơn*

Ứng viên

(*ký và ghi rõ họ tên*)

Phạm Thị Hồng Nhung